

Vietnam Daily Review

Xu hướng tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/5/2022	•		
Tuần 16/5-20/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Vừa mở cửa phiên sáng, VN-Index đã tiến lên vùng 1240 và giao dịch quanh ngưỡng này suốt cả ngày trước khi kết phiên tăng hơn 12 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 ngành tăng điểm, trong đó tăng mạnh nhất là ngành Điện, nước & xăng dầu khí đốt. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Diễn biến của VN-Index hôm nay hình thành nên cây nến Doji, cho thấy thị trường đang có sự lưỡng lự, thêm vào đó khối lượng giao dịch vẫn còn khiêm tốn, chưa thấy được động lực cho đà tăng điểm. Đà tăng của thị trường vẫn phải chờ kiểm chứng thêm từ một đến hai phiên giao dịch nữa.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều tăng nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư vẫn cần thận trọng giao dịch hoặc chờ đợi tín hiệu xác nhận rõ ràng từ thị trường.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): VCI_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **12.39** điểm, đóng cửa **1240.76** điểm. HNX-Index **-5.60** điểm, đóng cửa **309.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+2.53)**, **GAS (+2.04)**, **BCM (+1.35)**, **TCB (+1.09)**, **STB (+0.70)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.70)**, **SAB (-0.63)**, **FPT (-0.45)**, **TPB (-0.31)**, **VJC (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12.967 tỷ đồng, giảm **2.21%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13.841 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 26.92 điểm. Thị trường có **272** mã tăng, 64 mã tham chiếu và **177** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **171.57** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GAS (56.72 tỷ)**, **VNM (43.12 tỷ)**, **KBC (37.14 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **375.97** triệu đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1240.76**
Giá trị: 12967.2 tỷ **12.39 (1.01%)**
Khối ngoại (ròng): 171.57 tỷ

HNX-INDEX **309.84**
Giá trị: 1690.24 tỷ **-5.6 (-1.78%)**
Khối ngoại (ròng): 0.375 tỷ

UPCOM-INDEX **94.73**
Giá trị: 0.54 tỷ **-1.16 (-1.21%)**
Khối ngoại(ròng): 17.28 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	114.0	1.41%
Giá vàng	1,816	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,130	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	24,326	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	17,910	0.19%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	2.49%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	56.7	SSI	-129.1
VNM	43.1	NLG	-28.7
KBC	37.1	VIC	-21.3
VHC	36.6	KDH	-15.6
GEX	32.8	VHM	-14.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	112.40	-1.58%	12.67%	3.87%	71.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	112.26	-1.73%	9.56%	0.29%	63.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.95	-1.77%	11.58%	17.68%	82.87%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1814.90	-0.49%	-1.26%	-8.27%	-2.85%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.62	0.11%	1.80%	-16.31%	-23.34%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1678.00	1.30%	5.39%	-0.90%	6.59%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1277.50	2.40%	16.91%	13.18%	83.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	25.02	0.12%	1.46%	2.96%	32.52%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	242.50	0.41%	-1.70%	-10.55%	-6.37%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	20.01	1.68%	7.93%	-1.23%	16.27%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.69	0.00%	-3.93%	-5.61%	-10.93%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	228.20	2.10%	10.62%	2.10%	56.30%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.24	1.02%	2.05%	-11.71%	-10.47%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4901.00	-2.95%	-3.86%	-4.15%	-11.34%		
Nhôm	USD/ton	2888.00	1.98%	4.88%	-11.44%	17.14%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	127.00	2.01%	-0.78%	-15.61%	-39.09%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	414.00	2.86%	9.67%	33.94%	317.76%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 1.15% lên 110.89 USD/thùng sáng ngày 18/5. Trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 7 giảm 1.26% xuống 112.8 USD/thùng.
- Giá dầu biến động sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell cảnh báo nền kinh tế có thể bị tổn hại bởi những nỗ lực giảm lạm phát.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giao dịch giảm 0.5% xuống 1,815.19 USD/ounce; song vàng giao tháng 6 tiếp tục tăng 0.3% lên 1,818.9 USD.
- Giá vàng giảm do chịu áp lực bởi dữ liệu doanh số bán lẻ tích cực của Mỹ và kỳ vọng về việc tăng lãi suất mạnh mẽ, song đồng USD giảm giá đã giúp giá vàng không giảm sâu.

Giá sắt thép

- Giá thép cây trên sàn Thương Hải phiên này cũng tăng 0.1%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.4%, riêng thép không gỉ giảm 1.1%.
- Giá quặng sắt Trung Quốc tăng trong phiên vừa qua do lạc quan về việc nhu cầu sẽ được cải thiện trong bối cảnh chính sách phong tỏa chống COVID-19 được nới lỏng.

Giá cao su

- Cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn Osaka kết thúc phiên tăng 0.9 yên, tương đương 0.4%, lên 244.9 yên (1.89 USD)/kg.
- Hợp đồng cao su giao tháng 9 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thương Hải tăng 80 nhân dân tệ lên 13,070 nhân dân tệ (1,935.69 USD)/tấn, sau khi có lúc chạm mức cao nhất kể từ ngày 22/4 là 13,135 nhân dân tệ.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn giao tháng 7 kết thúc phiên tăng 2.4 cent, tương đương 1.1%, lên 2.272 USD/lb, sau khi có lúc chạm mức cao nhất trong hơn ba tuần, là 2.2935 USD.
- Cà phê robusta giao tháng 7 tăng 17 USD, tương đương 0.8% lên 2,104 USD/tấn.

	18/5	% 18/5	17/5	% 17/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1240.76	1.01%	1228.37	4.81%	-4.67%	-15.72%
S&P 500			4088.85	2.02%	2.19%	-6.91%
HĐTL S&P500	4071.00	-0.34%	4084.75	2.00%	3.58%	-7.20%
Shang- hai	3085.98	-0.25%	3093.70	0.65%	0.89%	-3.16%
Euro Stoxx	3732.95	-0.23%	3741.51	1.52%	2.33%	-3.01%

Phân tích kỹ thuật
VCI_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ vùng bán quá

Nhận định: VCI đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 30.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu đang hướng về đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 35.0, chốt lãi tại ngưỡng 48.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 32.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

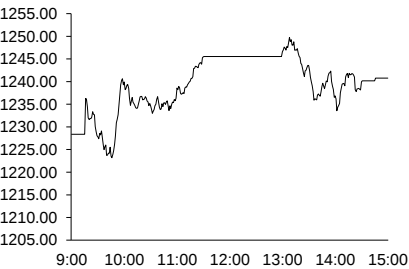
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-1.65%
Công nghệ Thông tin	-1.41%
Dầu khí	-0.92%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.39%
Bảo hiểm	-0.32%
Truyền thông	-0.19%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.25%
Y tế	0.29%
Bất động sản	0.34%
Ngân hàng	0.70%
Dịch vụ tài chính	1.10%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.39%
Xây dựng và Vật liệu	1.42%
Ô tô và phụ tùng	1.73%
Thực phẩm và đồ uống	1.77%
Bán lẻ	1.91%
Hóa chất	2.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.90%

Hình 1

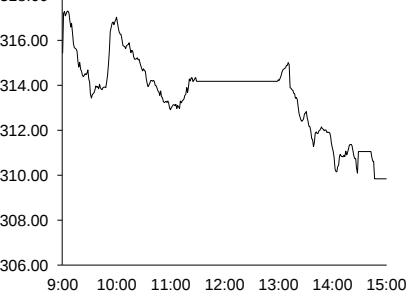
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

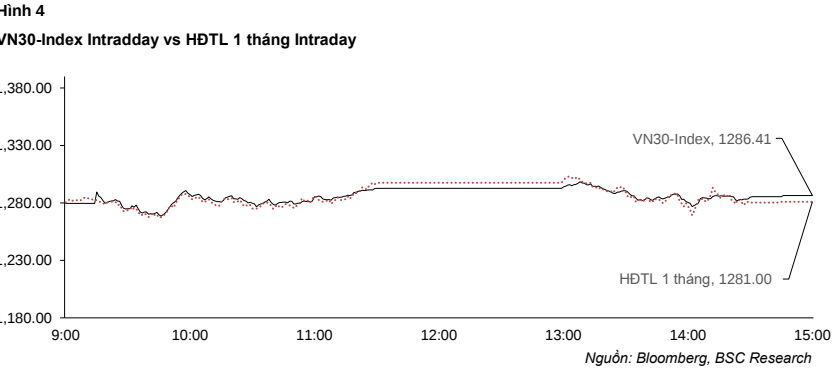
Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1281.00	0.01%	-5.41	12.9%	411,543	5/19/2022	3
VN30F2206	1281.50	-0.02%	-4.91	63.2%	15,632	6/16/2022	31
VN30F2209	1286.80	0.89%	0.39	4.8%	109	9/15/2022	122
VN30F2212	1281.50	0.27%	-4.91	-54.5%	30	12/15/2022	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 6.86 điểm lên 1286.41 điểm. Các cổ phiếu như MSN, TCB, STB, MWG, MBB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 hồi phục nhẹ, tuy nhiên thanh khoản thị trường ở mức thấp, dưới trung bình 20 phiên cho thấy đa số các NĐT đang cân trọng giao dịch trong thời điểm thị trường hiện tại. Thị trường nhiều khả năng đi vào giai đoạn tích lũy trong thời gian sắp tới.
- Các HDTL hầu hết đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, tất cả các HD đều tăng, riêng VN30F2212 lại giảm nhẹ. Xét về vị thế mở, các HD đều có mức giảm nhẹ, chỉ riêng VN30F2206 tăng . Khuyến nghị các nhà đầu tư vẫn cần thận trọng giao dịch hoặc chờ đợi tín hiệu xác nhận rõ ràng từ thị trường.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2202	6/24/2022	37	10:1	445,400	28.62%	1,700	1,430	9.16%	915	1.56	97,200	89,700	97,700
CVPB2204	11/15/2022	181	16:1	68,900	35.11%	1,000	790	6.76%	212	3.73	48,328	30,888	30,950
CVNM2203	8/15/2022	89	20:1	484,500	20.92%	1,000	370	5.71%	18	20.27	116,111	81,111	125,700
CHDB2205	10/20/2022	155	5:1	14,200	38.40%	1,000	750	4.17%	287	2.61	27,861	27,111	24,000
CMWG2201	9/20/2022	125	10:1	33,000	30.78%	2,600	2,090	3.98%	1,004	2.08	157,600	134,500	133,500
CVIC2205	10/20/2022	155	16:1	200	25.69%	1,100	790	3.95%	166	4.76	105,706	86,666	78,000
CHPG2208	10/7/2022	142	5:1	645,600	32.87%	2,500	1,360	0.74%	531	2.56	40,700	40,000	38,200
CVIC2202	8/15/2022	89	16:1	69,700	25.69%	1,100	640	0.00%	161	3.98	110,222	82,222	78,000
CVNM2205	10/20/2022	155	16:1	600	20.92%	1,000	640	0.00%	76	8.43	143,839	79,999	70,300
CVHM2205	8/15/2022	89	16:1	763,500	26.43%	1,000	350	0.00%	34	10.28	85,608	78,888	66,900
CVHM2207	10/19/2022	154	8:1	11,100	26.43%	2,000	1,370	-0.72%	346	3.96	84,600	73,000	66,900
CNVL2202	8/15/2022	89	16:1	383,700	24.00%	1,000	570	-3.39%	207	2.75	87,839	79,999	78,300
CNVL2201	10/5/2022	140	20:1	121,000	24.00%	1,100	430	-4.44%	43	10.04	99,979	93,979	78,300
CVRE2207	10/20/2022	155	8:1	400,500	38.75%	1,000	510	-7.27%	135	3.77	40,213	33,333	27,400
CVPB2203	7/15/2022	58	16:1	46,800	35.11%	1,000	540	-8.47%	190	2.84	48,888	28,888	30,950
CVIC2204	8/22/2022	96	16:1	100	25.69%	1,000	650	-9.72%	149	4.37	101,093	83,333	78,000
CFPT2203	8/1/2022	75	4:1	1,007,400	28.62%	3,800	2,600	-11.86%	1,735	1.50	100,720	95,000	97,700
CNVL2204	9/20/2022	125	16:1	1,002,000	24.00%	1,000	500	-20.63%	128	3.91	102,639	85,999	78,300
CVNM2204	10/7/2022	142	10:1	156,800	20.92%	1,500	950	-21.49%	305	3.11	84,100	73,000	70,300
CVIC2206	9/19/2022	124	10:1	1,200	25.69%	1,900	960	-26.15%	331	2.90	107,500	82,500	78,000
Tổng				5,210,800	28.02%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%								Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
**Trung bình độ lệch chuẩn								*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2116 và CHPG2119 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 312.50% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 1.06 %, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.97 % thị trường.
- CPNJ2201, CFPT2203, CFPT2202, và CMWG2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVIC2203, CPNJ2201, CFPT2202 và CMWG2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2202 và CFPT2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.5	1.4%	0.6	4,249	4.6	7,030	19.0	4.4	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	102.1	-1.0%	0.7	1,076	2.6	5,443	18.8	3.1	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.7	-1.0%	1.4	1,636	2.9	2,557	19.8	1.7	26.3%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.5	-1.0%	0.6	504	0.1	3,644	13.6	1.5	58.2%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.0	0.0%	0.5	12,934	9.9	(578) N/A	N/A	2.8	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.4	0.0%	1.1	2,707	7.1	401	68.3	2.0	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	66.9	0.0%	0.8	12,666	12.3	8,786	7.6	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	26.7	1.9%	1.5	705	10.4	1,503	17.8	1.8	31.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	28.7	-1.7%	1.6	1,237	31.4	3,023	9.5	1.9	37.5%	22.6%
VCI	Chứng khoán	35.5	6.9%	1.0	514	10.0	4,884	7.3	1.7	19.5%	26.9%
HCM	Chứng khoán	22.9	1.3%	1.6	455	6.6	2,619	8.7	1.4	42.6%	17.9%
FPT	Công nghệ	97.7	-2.0%	0.9	3,883	8.3	5,152	19.0	4.6	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	71.0	-2.5%	0.4	1,014	0.0	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	105.0	4.1%	1.0	8,738	4.1	5,109	20.6	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.4	-1.0%	1.5	2,287	2.2	1,950	21.2	2.1	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	26.9	-2.5%	1.6	559	17.4	1,408	19.1	1.1	9.1%	5.5%
BSR	Dầu khí	21.7	2.4%	0.8	2,925	7.4	2,108	10.3	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	93.0	1.1%	0.3	529	0.0	6,105	15.2	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	52.4	6.4%	1.2	892	10.0	12,920	4.1	1.7	12.8%	50.2%
DCM	Hóa chất	29.9	7.0%	1.2	687	6.6	5,643	5.3	1.8	7.7%	38.9%
VCB	Ngân hàng	75.4	-0.8%	0.9	15,514	2.9	4,855	15.5	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.9	1.3%	1.2	7,676	2.0	2,266	15.4	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.6	1.3%	1.5	5,558	7.5	2,558	10.4	1.3	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	31.0	-0.2%	1.2	5,982	16.2	3,874	8.0	1.6	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	26.7	1.3%	1.2	4,378	10.1	3,623	7.4	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	29.0	-1.0%	1.1	3,401	4.5	3,852	7.5	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	55.4	2.6%	0.7	197	0.1	3,150	17.6	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	46.7	1.3%	0.6	239	0.1	3,990	11.7	1.9	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.2	-3.6%	1.4	1,013	0.2	178	119.1	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	38.2	0.0%	1.1	7,429	26.7	7,443	5.1	1.7	21.7%	40.4%
HSG	Thép	21.4	1.2%	1.5	459	4.6	7,157	3.0	0.9	7.0%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	70.3	0.4%	0.6	6,388	6.0	4,390	16.0	4.6	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	161.5	-2.4%	0.8	4,503	1.1	5,969	27.1	4.8	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	103.2	6.9%	1.0	6,356	5.6	7,041	14.7	5.3	28.6%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	2.9%	1.5	442	1.7	1,144	14.1	1.2	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	85.5	-0.3%	0.8	8,093	0.3	363	235.7	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.7	-1.8%	1.1	2,960	3.6	361	347.8	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	18.8	-2.1%	1.7	1,810	0.9	(6,783) N/A	N/A	28.0	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	51.2	-1.0%	1.0	671	4.5	2,256	22.7	2.3	44.6%	10.8%
PVT	Vận tải	18.9	-0.3%	1.4	265	2.3	2,088	9.0	1.1	11.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.0	2.2%	0.8	612	0.2	10,540	8.3	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.1	6.9%	0.8	683	1.6	3,677	9.5	2.0	4.7%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	3.2%	1.1	271	0.5	783	20.9	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	47.8	3.6%	1.3	153	1.0	(27) N/A	N/A	0.4	45.0%	0.0%
CII	Xây dựng	20.0	0.0%	1.2	219	3.8	1,266	15.8	0.9	10.9%	6.1%
REE	Điện	73.0	4.1%	-1.4	1,128	2.5	5,994	12.2	1.9	49.0%	16.7%
PC1	Điện	32.0	-1.2%	-0.4	327	1.5	3,238	9.9	1.6	5.2%	16.9%
POW	Điện	12.7	2.0%	0.6	1,288	6.2	859	14.7	1.0	2.1%	6.9%
NT2	Điện	21.6	-1.1%	0.7	270	0.3	1,933	11.2	1.4	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	40.0	3.9%	1.5	1,001	5.3	1,154	34.6	1.6	18.7%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	74.9	7%	0.9	3,371	0.9	1,190	62.9	4.7	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	103.20	6.94	2.42	1.29MLN
GAS	105.00	4.06	2.00	909900
BCM	74.90	7.00	1.29	274400
TCB	36.05	3.44	1.07	8.69MLN
STB	21.75	6.88	0.67	27.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.72	881000	1.11MLN
SAB	0.00	-0.65	155400	607060
FPT	0.00	-0.46	1.93MLN	373600
TPB	0.00	-0.32	3.95MLN	192700
VJC	0.00	-0.32	660900	611640

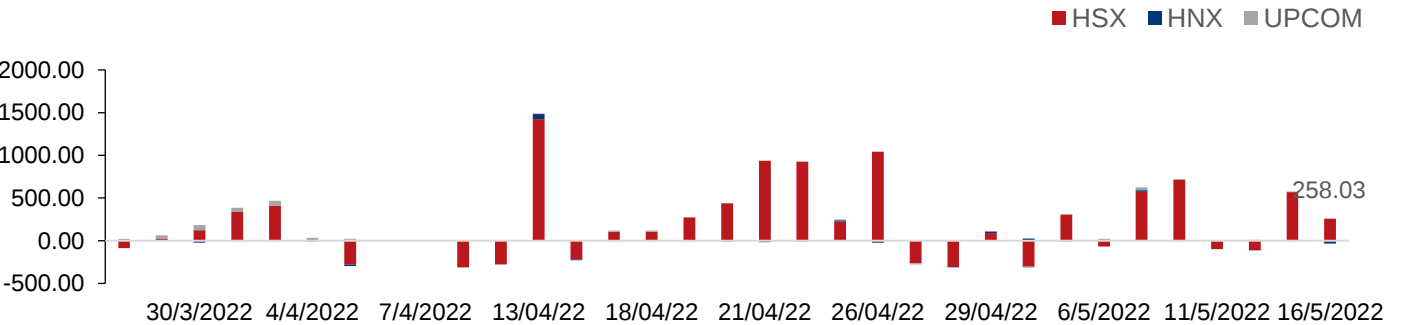
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCM	74.90	7.00	1.29	274400.00
DCM	29.85	6.99	0.26	5.20MLN
TVS	31.45	6.97	0.06	105500
BTT	49.20	6.96	0.01	800
DIG	55.40	6.95	0.46	9.18MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	12.10	-6.92	0.00	22600
COM	56.40	-6.78	-0.02	4800
OGC	13.10	-6.76	-0.07	3.07MLN
DTT	12.50	-6.72	0.00	600
SFC	23.35	-6.60	-0.01	2300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	97.7	5,152	19.0	4.6	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.7	2,466	11.6	1.8	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	29.0	11,559	2.5	1.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.7	859	14.7	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	133.5	7,030	19.0	4.4	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.9	2,088	9.0	1.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	203.0	18,902	10.7	4.8	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	38.2	7,443	5.1	1.7	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	40.0	1,154	34.6	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	28.6	5,084	5.6	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	26.7	1,503	17.8	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	106.6	8,596	12.4	4.7	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	42.0	2,136	19.7	2.1	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.5	2,917	9.4	1.8	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	91.0	8,331	10.9	2.6	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.0	1,941	15.5	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.5	3,644	13.6	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	26.9	1,408	19.1	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	105.0	5,109	20.6	3.7	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.9	3,141	6.0	1.2	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	47.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.6	1,701	8.6	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.2	1,350	9.0	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.2	1,350	9.0	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.1	2,433	5.8	1.1	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.1	5,443	18.8	3.1	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.5	7,030	19.0	4.4	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	48.5	2,762	17.5	3.4	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.5	1,900	24.5	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.7	2,108	10.3	1.8	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	18.0	1,034	17.4	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	91.0	8,331	10.9	2.6	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	30.9	2,916	10.6	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.5	689	19.6	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	22.9	2,054	11.1	1.1	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.3	3019.9	14.3	1.7	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.6	1,933	11.2	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	105.0	5,109	20.6	3.7	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	29.0	11,559	2.5	1.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	41.5	1,878	22.1	2.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	70.3	4,390	16.0	4.6	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	97.7	5,152	19.0	4.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	27.4	401	68.3	2.0	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	203.0	18,902	10.7	4.8	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	32.5	6,244	5.2	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639